

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Cho Quý IV năm 2017



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-33

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Licogi - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLD ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 31/05/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Vũ Tiến Giao	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Ứng Tiến Đỗ	Thành viên	
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/06/2017
Ông Hoàng Quốc Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2017
Ông Vũ Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/08/2017
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/06/2017
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2,562,785,414,748	2,191,260,123,704
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	147,410,740,718	202,516,339,998
111	1. Tiền		110,631,593,893	202,516,339,998
112	2. Các khoản tương đương tiền		36,779,146,825	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20,330,000,000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20,330,000,000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1,594,102,478,995	1,119,327,607,247
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1,185,237,981,147	1,011,112,188,092
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		252,154,790,331	52,450,379,321
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		2,070,315,875	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	15,901,590,010	24,663,740,010
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	7	490,108,358,841	379,389,163,631
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(351,447,109,222)	(348,364,415,820)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		76,552,013	76,552,013
140	IV. Hàng tồn kho	8	770,753,988,678	837,919,793,042
141	1. Hàng tồn kho		793,448,904,211	841,380,109,253
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(22,694,915,533)	(3,460,316,211)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30,188,206,357	31,496,383,417
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3,800,756,484	2,913,996,648
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		23,068,209,923	27,999,352,584
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	1,901,785,910	583,034,185
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		1,417,454,040	-

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho Quý IV năm 2017

200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2,025,853,248,122	1,924,166,946,775
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1,331,569,902	1,131,037,386
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	715,122,902	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	616,447,000	1,131,037,386
220	II. Tài sản cố định		491,779,686,192	485,210,289,413
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	464,180,886,965	454,483,630,544
222	- Nguyên giá		1,501,922,144,123	1,438,997,795,139
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,037,741,257,158)	(984,514,164,595)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	1,985,181,677
225	- Nguyên giá		-	2,646,908,909
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	(661,727,232)
227	3. Tài sản cố định vô hình		27,598,799,227	28,741,477,192
228	- Nguyên giá		29,335,455,521	32,012,730,641
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,736,656,294)	(3,271,253,449)
230	III. Bất động sản đầu tư		2,663,302,754	2,663,302,754
231	- Nguyên giá		2,745,140,454	2,745,140,454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(81,837,700)	(81,837,700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	852,746,483,011	769,533,924,961
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		814,356,190,304	711,166,856,701
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		38,390,292,707	58,367,068,260
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	637,806,095,448	619,470,548,869
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		597,944,619,878	566,451,643,067
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		57,332,477,208	57,332,477,208
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(17,471,001,638)	(4,313,571,406)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		39,526,110,815	46,157,843,392
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	39,526,110,815	46,157,843,392
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4,588,638,662,870	4,115,427,070,479

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4,100,432,756,379	3,568,998,395,365
310	I. Nợ ngắn hạn		3,661,948,333,824	3,241,564,276,086
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	856,313,439,438	850,954,818,174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		394,216,886,712	300,481,961,361
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	174,360,509,034	189,913,459,455
314	4. Phải trả người lao động		73,496,880,602	76,144,948,474
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		239,384,066,156	132,311,370,835
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		20,145,693,132	-
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7,774,053,343	50,822,923
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	13	473,341,615,178	306,692,957,647
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	1,405,995,142,213	1,365,303,307,642
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		8,649,124,009	997,937,808
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8,270,924,007	18,712,691,767
330	II. Nợ dài hạn		438,484,422,555	327,434,119,279
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1,633,991,983	1,664,718,750
337	2. Phải trả dài hạn khác	13	7,609,046,075	6,423,283,702
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	426,950,045,676	317,250,241,279
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.b	2,291,338,821	2,095,875,548
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		488,205,906,491	546,428,675,114
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	488,205,906,491	546,428,675,114
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900,000,000,000	900,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900,000,000,000	900,000,000,000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10,121,718,651	10,121,718,651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(79,274,695,809)	(79,274,695,809)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		59,773,473,022	58,975,299,808
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2,083,295,470	2,074,997,571
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(510,917,776,926)	(458,783,469,861)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(461,409,231,539)	(44,300,671,762)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(49,508,545,387)	(414,482,798,099)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		106,419,892,083	113,314,824,754
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4,588,638,662,870	4,115,427,070,479

Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017		Năm 2016	
			Quý IV	Lũy kế	Quý IV	Lũy kế
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	835,470,715,188	2,605,659,132,930	813,700,758,640	2,918,567,523,268
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	136,491,458	454,570,963	18,130,756,964	18,896,061,746
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		835,334,223,730	2,605,204,561,967	795,570,001,676	2,899,671,461,522
11	4. Giá vốn hàng bán	17	765,800,011,441	2,346,480,830,315	762,569,519,472	2,678,609,908,328
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69,534,212,289	258,723,731,652	33,000,482,204	221,061,553,194
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	5,497,998,458	107,209,204,135	(5,479,730,000)	8,081,911,162
22	7. Chi phí tài chính	19	49,279,666,908	161,457,536,567	74,318,511,374	154,385,318,941
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		49,279,666,908	138,637,258,768	71,596,829,778	147,600,802,431
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		52,147,142,840	24,712,214,573	88,488,761,621	95,636,925,372
25	9. Chi phí bán hàng	20	13,941,523,233	50,051,357,112	13,817,702,260	50,567,843,595
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	61,162,272,308	212,520,522,257	174,401,171,331	525,084,044,709
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,795,891,138	(33,384,265,576)	(146,527,871,140)	(405,256,817,517)
31	12. Thu nhập khác		10,196,605,256	33,200,711,503	16,804,149,751	22,590,823,141
32	13. Chi phí khác		5,692,662,371	26,850,978,284	11,693,739,572	44,857,307,546
40	14. Lợi nhuận khác		4,503,942,885	6,349,733,219	5,110,410,179	(22,266,484,405)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7,299,834,023	(27,034,532,357)	(141,417,460,961)	(427,523,301,922)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện l		9,539,816,982	12,246,846,219	(2,451,005,675)	9,634,213,732
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn		145,540,476	195,463,273	(523,140,284)	(523,140,284)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2,385,523,435)	(39,476,841,849)	(138,443,315,002)	(436,634,375,370)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(815,857,558)	(49,405,451,577)	(115,366,674,930)	(414,482,798,099)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(1,569,665,877)	9,928,609,728	(2,076,640,072)	(22,151,577,271)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(27)	(549)	(1,538)	(4,605)

Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý IV năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(27,034,532,357)	(427,523,301,922)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		73,504,947,179	81,740,757,264
03	- Các khoản dự phòng		34,476,785,148	325,023,216,723
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(158,090,833)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(129,913,782,117)	(7,753,827,067)
06	- Chi phí lãi vay		138,637,258,768	147,600,802,431
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		89,670,676,621	118,929,556,596
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(483,928,377,268)	(149,087,693,961)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(55,258,123,561)	92,986,914,101
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		396,752,634,547	36,559,675,797
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5,744,972,741	21,461,582,037
14	- Tiền lãi vay đã trả		(166,050,452,642)	(144,554,520,617)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10,425,282,768)	(19,972,125,190)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,968,850,000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(225,462,807,330)	(43,676,611,237)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26,457,667,084)	(45,909,842,440)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3,122,433,261	2,011,120,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1,020,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5,504,000,000	3,845,751,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(248,500,000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		105,696,318,295	63,856,186,467
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		87,865,084,472	22,534,715,027
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2,457,072,907,516	2,030,543,277,815
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2,373,621,127,938)	(2,126,055,525,245)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(959,656,000)	(1,551,828,000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7,770,434,730)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		82,492,123,578	(104,834,510,160)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(55,105,599,280)	(125,976,406,370)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý IV năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		202,516,339,998	328,334,655,535
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	158,090,833
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>147,410,740,718</u>	<u>202,516,339,998</u>



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Licogi - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLD ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 31/05/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bui điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật	Hà Nội	51.85%	51.85%	Sản xuất, kinh doanh vật
Công ty CP Cơ khí Đông Anh	Hà Nội	89.06%	89.06%	Sản xuất, kinh doanh sản
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60.00%	60.00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51.00%	51.00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64.77%	64.77%	Thi công xây lắp, nền
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số	Đà Nẵng	57.71%	57.71%	Thi công xây lắp, nền
Công ty CP LICOGI 15	Thanh Hóa	64.65%	64.65%	Thi công xây lắp, nền
Công ty CP LICOGI 17	Hải Dương	56.33%	56.33%	Thi công xây lắp, nền
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và	Hà Nội	92.58%	92.58%	Thi công xây lắp, nền
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89.82%	89.92%	Thi công xây lắp, nền
Công ty TNHH MTV Đầu tư và	Quảng Ninh	100.00%	100.00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100.00%	100.00%	Kinh doanh bất động sản

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng (Công ty con của Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28.22%	54.42%	Sản xuất, kinh doanh vật
Công ty CP Đầu tư phát triển và Vật liệu xây dựng (Công ty con của Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)	Phú Thọ	26.44%	51.00%	Sản xuất, kinh doanh vật
Công ty CP Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đồng Nai	40.45%	79.31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

Công ty liên kết					
<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ lợi ích	Sản xuất và kinh doanh	
Công ty CP Licogi 14	Phú Thọ	26.42%	26.42%	Thi công xây lắp, nền	
Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	22.62%	22.62%	Thi công xây lắp, nền	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	Hà Nội	20.40%	40.00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	
<i>(Công ty liên kết của Công ty CP</i>					
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Hung Yên	23.63%	45.58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	
<i>(Công ty liên kết của Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)</i>					
Công ty liên doanh					
<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37.41%	42.00%	Kinh doanh bất động sản	
<i>(Công ty liên doanh của Công ty</i>					
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48.48%	75.00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty - Công ty mẹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015 (là ngày Tổng Công ty - Công ty mẹ, chính thức được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP). Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn nói trên, Ban Tổng Giám đốc áp dụng các hướng dẫn xử lý tài chính tại các Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất ngày, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, các số dư đầu kỳ tài ngày 01 tháng 01 năm 2016 của Báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31/12/2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015. Do vậy, các số dư tại ngày 01/01/2016 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến số dư đầu kỳ tại ngày 01/01/2017.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, hoặc khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	16,964,027,603	15,106,020,267
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93,667,566,290	187,410,319,731
Các khoản tương đương tiền	36,779,146,825	-
	147,410,740,718	202,516,339,998

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	20,330,000,000	20,330,000,000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	20,330,000,000	20,330,000,000	-	-
	20,330,000,000	20,330,000,000	-	-

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	57,332,477,208	(17,471,001,638)	57,332,477,208	(4,313,571,406)
- Công ty Cổ phần Licogi 12	5,967,000,000	(2,565,810,000)	5,967,000,000	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	25,001,671,600	(13,587,865,000)	25,001,671,600	(3,854,985,041)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	10,530,000,000	(911,250,000)	10,530,000,000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkĐrinh	13,753,805,608	-	13,753,805,608	(308,116,497)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	780,000,000	(90,000,000)	780,000,000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi	1,000,000,000	(214,496,656)	1,000,000,000	(85,798,662)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	300,000,000	(101,579,982)	300,000,000	(64,671,206)
	57,332,477,208	(17,471,001,638)	57,332,477,208	(4,313,571,406)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017				01/01/2017		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết							
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26.42%	26.42%	57,789,320,087	26.42%	26.42%	42,694,790,074
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22.62%	22.62%	2,009,338,056	22.62%	22.62%	2,007,395,009
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20.40%	40.00%	14,644,973,451	20.40%	40.00%	17,417,635,690
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	Lào Cai	44.09%	44.09%	285,310,454,344	44.09%	44.09%	255,958,264,345
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Hưng Yên	23.63%	45.58%	5,312,694,666	23.63%	45.58%	3,781,932,428
- Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên	Quảng Ngãi	25.00%	25.00%	3,750,000,000			-
Đầu tư vào Công ty liên doanh							
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37.41%	42.00%	229,127,839,274	37.41%	42.00%	244,591,625,521
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48.48%	75.00%	-			-
				597,944,619,878			566,451,643,067

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 24.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty CP Licogi 13	-	5,433,758,824
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	39,981,066,639	29,731,324,541
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	146,650,212,125	106,268,289,347
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	-	13,481,426,654
- Công ty CP Thủy điện A Vương	3,142,168,683	28,225,556,461
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội	-	12,790,509,816
- Công ty CP Thủy điện ĐăkĐrinh	76,569,785,955	106,460,437,797
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	-	21,866,175,163
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21,261,594,839	21,261,594,839
- Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	-	12,820,180,175
- Công ty CP Thực phẩm Miền Bắc	15,662,726,396	15,662,726,396
- Công ty CP Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12,572,632,461	12,572,632,461
- Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	9,950,668,710
- Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11,557,564,409	11,689,359,409
- Ban Quản lý đầu tư các công trình Văn hóa, Thể thao tỉnh Quảng Ninh	-	23,185,966,000
- Ban Quản lý dự án 6	-	12,366,660,433
- Ban điều hành gói thầu số 10 - Công trình Âu Tàu	7,814,561,352	7,814,561,352
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	16,184,696,850	9,988,592,995
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11,685,831,746	21,233,127,066
- Các khoản phải thu khách hàng khác	822,155,139,692	528,308,639,653
	1,185,237,981,147	1,011,112,188,092

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (1)	-	-	4,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 (2)	15,353,740,010	-	20,663,740,010	-
Phải thu về cho vay khác	547,850,000	-	-	-
	15,901,590,010	-	24,663,740,010	-

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho Quý IV năm 2017**7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa	9,422,183,203	(3,624,299,293)	9,423,910,942	(3,624,299,293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1,245,251,865	-	1,794,442,500	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	54,439,884	-	-	-
Phải thu người lao động	4,881,408,412	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	613,861,767	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	10,305,928	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	20,395,432	-	-	-
Tạm ứng	91,749,178,775	(31,972,703,087)	96,789,122,189	(32,955,719,892)
Ký cược, ký quỹ	10,601,534,896	-	-	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56,287,587,081	(54,986,617,577)	55,156,171,384	(54,986,617,577)
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào	27,423,400,314	(27,423,400,314)	27,516,766,744	(27,516,766,744)
Phải thu Ban điều hành Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25,977,490,444	(25,493,403,949)	25,493,403,949	(25,493,403,949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6,079,942,000	(6,079,942,000)	8,692,075,717	(6,079,942,000)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	18,512,222,910	(2,776,833,437)	19,755,224,170	-
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	46,872,815,615	-	46,872,815,615	-
Tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng cho UBND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cho dự án KĐT M Đông Hưng	-	-	21,000,000,000	-
Phải thu khác	190,356,340,315	(29,915,564,729)	66,895,230,421	(30,015,601,542)
	490,108,358,841	(182,272,764,386)	379,389,163,631	(180,672,350,997)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho Quý IV năm 2017**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5,518,375,434	-	9,482,500,682	-
Nguyên liệu, vật liệu	111,652,678,074	(2,506,161,853)	120,025,737,161	(3,460,316,211)
Công cụ, dụng cụ	6,552,791,162	-	6,515,792,758	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	582,146,207,897	(18,639,037,974)	638,956,146,168	-
Thành phẩm	87,079,061,679	(1,439,337,173)	65,460,574,490	-
Hàng hoá	499,789,965	(110,378,533)	939,357,994	-
	793,448,904,211	(22,694,915,533)	841,380,109,253	(3,460,316,211)

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTM Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (*)	809,766,618,990	809,766,618,990	691,511,418,703	691,511,418,703
Dự án KĐTM Thịnh Liệt - Hạ tầng mục lô CT2 (do Công ty Licogi 2 thực hiện) (*)	-	-	10,788,313,281	10,788,313,281
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4,589,571,314	4,589,571,314	4,589,571,314	4,589,571,314
Dự án KĐTM Đông Hưng, Thái Bình	-	-	4,277,553,403	4,277,553,403
	814,356,190,304	814,356,190,304	711,166,856,701	711,166,856,701

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	224,735,900,602	1,017,441,226,706	189,242,548,825	6,203,660,788	1,374,458,218	1,438,997,795,139
- Mua trong năm	522,517,273	56,450,752,689	14,693,400,042	538,071,091	-	72,204,741,095
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9,771,130,985	194,545,000	-	-	-	9,965,675,985
- Tăng khác	-	-	10,659,682,780	-	-	10,659,682,780
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15,664,289,787)	(3,370,541,612)	(106,070,000)	-	(19,140,901,399)
- Giảm khác	-	(10,361,379,939)	(356,119,338)	(47,350,200)	-	(10,764,849,477)
Số dư cuối năm	235,029,548,860	1,048,060,854,669	210,868,970,697	6,588,311,679	1,374,458,218	1,501,922,144,123
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	124,365,175,412	702,525,050,484	151,456,647,674	4,987,961,474	1,179,329,551	984,514,164,595
- Khấu hao trong năm	12,215,759,429	49,824,581,418	9,964,249,347	373,125,395	1,127,231,590	73,504,947,179
- Tăng khác	-	-	11,690,859,347	-	-	11,690,859,347
- Thanh lý, nhượng bán	(46,325,000)	(16,330,373,140)	(2,497,509,358)	(106,070,000)	-	(18,980,277,498)
- Giảm khác	(73,643,016)	(12,668,277,762)	(246,515,687)	-	-	(12,988,436,465)
Số dư cuối năm	136,460,966,825	723,350,981,000	170,367,731,323	5,255,016,869	2,306,561,141	1,037,741,257,158
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	100,370,725,190	314,916,176,222	37,785,901,151	1,215,699,314	195,128,667	454,483,630,544
Tại ngày cuối năm	98,568,582,035	324,709,873,669	40,501,239,374	1,333,294,810	(932,102,923)	464,180,886,965

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2017

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	17,583,110,946	22,422,794,900
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	3,870,366,444	7,516,462,503
Tiền thuê đất trả trước	4,941,635,213	7,407,775,828
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4,481,722,487	6,217,126,470
Chi phí mua bảo hiểm	3,125,543	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	8,646,150,182	2,593,683,691
	39,526,110,815	46,157,843,392

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Licogi 12	3,935,436,800	3,935,436,800	16,627,828,804	16,627,828,804
Công ty CP Licogi 13	-	-	113,122,226,287	113,122,226,287
Công ty CP Licogi 16	44,385,573,178	44,385,573,178	42,552,392,338	42,552,392,338
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	36,893,302,220	36,893,302,220	37,786,849,648	37,786,849,648
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	26,042,801,293	26,042,801,293	26,429,078,179	26,429,078,179
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	61,789,649,318	61,789,649,318	53,001,178,264	53,001,178,264
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	-	-	22,824,806,722	22,824,806,722
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	11,527,195,395	11,527,195,395	11,224,002,998	11,224,002,998
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Thép Việt Dũng	5,549,283,209	5,549,283,209	12,909,075,709	12,909,075,709
Thâu phụ ban điều hành Dung Quất	-	-	12,376,483,794	12,376,483,794
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	-	-	3,236,951,610	3,236,951,610
Đội xử lý nền móng (Ông Yên)	-	-	1,525,848,182	1,525,848,182
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	28,729,553,757	28,729,553,757	13,248,831,477	13,248,831,477
Phải trả các đối tượng khác	637,460,644,268	637,460,644,268	484,089,264,162	484,089,264,162
	856,313,439,438	856,313,439,438	850,954,818,174	850,954,818,174

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	5,319,510,511	4,847,998,216
- Bảo hiểm xã hội	31,806,312,784	35,858,534,338
- Bảo hiểm y tế	1,332,171,857	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1,023,893,870	-
- Phải trả Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) về cổ phần hoá	13,589,175,004	9,819,098,046
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60,000,000,000	60,000,000,000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87,498,564,715	87,464,329,421
- Phải trả nội bộ cho chi phí dự án - Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	4,538,072,587
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán - Licogi 9	15,805,008,945	8,547,036,472
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán - Licogi 20	-	32,730,307,287
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165,000,000,000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	91,966,977,492	62,887,581,280
	473,341,615,178	306,692,957,647

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2017

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900,000,000,000	10,121,718,651	(79,274,695,809)	44,662,141,792	2,396,201,946	29,713,148,712	146,640,850,364	1,054,259,365,656
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(414,482,798,099)	(22,151,577,271)	(436,634,375,370)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	15,667,832,175	557,932,192	(21,704,517,225)	(11,110,334,386)	(16,589,087,244)
Điều chỉnh loại cổ tức chưa loại trừ trong BCTC hợp nhất giai đoạn trước (*)	-	-	-	-	-	(54,520,174,539)	-	(54,520,174,539)
Giảm khác	-	-	-	(1,354,674,159)	(879,136,567)	2,210,871,290	(64,113,953)	(87,053,389)
Số dư cuối năm trước	900,000,000,000	10,121,718,651	(79,274,695,809)	58,975,299,808	2,074,997,571	(458,783,469,861)	113,314,824,754	546,428,675,114
Số dư đầu năm nay	900,000,000,000	10,121,718,651	(79,274,695,809)	58,975,299,808	2,074,997,571	(458,783,469,861)	113,314,824,754	546,428,675,114
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(49,405,451,577)	9,928,609,728	(39,476,841,849)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	798,173,214	8,297,899	(3,099,127,343)	(2,244,515,263)	(4,537,171,493)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15,305,954,500)	(15,305,954,500)
Giảm khác	-	-	-	-	-	370,271,855	726,927,364	1,097,199,219
Số dư cuối năm nay	900,000,000,000	10,121,718,651	(79,274,695,809)	59,773,473,022	2,083,295,470	(510,917,776,926)	106,419,892,083	488,205,906,491

(*) Khi trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng công ty không thực hiện loại trừ một số khoản cổ tức nhận được từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh sai sót này vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông khác	100.00%	900,000,000,000	100.00%	900,000,000,000
Bộ Xây dựng Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	40.71%	366,406,910,000	40.71%	366,406,910,000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35.00%	315,000,000,000	35.00%	315,000,000,000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	22.24%	200,128,880,000	22.24%	200,128,880,000
Các cổ đông khác	2.05%	18,464,210,000	2.05%	18,464,210,000
	100%	900,000,000,000	100%	900,000,000,000

c) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	59,773,473,022	58,975,299,808
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,083,295,470	2,074,997,571
	61,856,768,492	61,050,297,379

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	1,683,525,754,376	1,687,649,104,419
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,168,075,377	45,350,071,637
Doanh thu hợp đồng xây dựng	809,448,897,227	1,025,704,234,241
Doanh thu hoạt động khác	86,516,405,950	159,864,112,971
	2,605,659,132,930	2,918,567,523,268

16 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	-	22,916,450
Hàng bán bị trả lại	454,570,963	42,603,500
Giảm giá hàng bán	-	18,830,541,796
	454,570,963	18,896,061,746

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1,503,373,225,850	1,491,483,943,484
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19,008,368,452	33,826,155,664
Giá vốn hợp đồng xây dựng	753,639,015,536	1,010,505,967,133
Chi phí đã phát sinh của dự án KĐTMT Yên Thanh không thể thu hồi (*)	-	19,495,058,270
Giá vốn của hoạt động khác	51,225,619,155	123,298,783,777
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	19,234,599,322	-
	<u>2,346,480,830,315</u>	<u>2,678,609,908,328</u>

(*) Dự án KĐTMT Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh do Chi nhánh Licogi 2 thuộc Tổng công ty- Công ty mẹ thực hiện. Dự án này có tổng chi phí phát sinh đến ngày 31/12/2016 là 66,4 tỷ đồng và đã bị UBND tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới với số tiền xác định là 46,9 tỷ đồng. Phần chênh lệch 19,5 tỷ đồng được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9,278,011,237	5,102,404,567
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	101,528,200	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95,923,556,307	2,651,422,500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	241,219,711	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,664,888,680	328,084,095
	<u>107,209,204,135</u>	<u>8,081,911,162</u>

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	138,637,258,768	147,600,802,431
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	186,883,917	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	13,157,430,232	-
Chi phí tài chính khác	9,475,963,650	6,784,516,510
	<u>161,457,536,567</u>	<u>154,385,318,941</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý IV năm 2017

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,457,398,586	-
Chi phí nhân công	9,887,628,676	20,769,969,086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312,226,615	799,152,378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,929,924,195	10,377,530,612
Chi phí khác bằng tiền	24,416,047,449	18,621,191,519
Chi phí bảo hành	2,048,135,591	-
	50,051,357,112	50,567,843,595

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,284,802,928	17,472,258,685
Chi phí nhân công	81,734,750,712	104,484,260,946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,743,675,291	12,104,686,094
Thuế, phí, lệ phí	3,583,057,367	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	6,644,586,515	320,602,067,747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,181,876,530	10,153,091,693
Chi phí khác bằng tiền	80,347,772,914	60,267,679,544
	212,520,522,257	525,084,044,709

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(49,405,451,577)	(414,482,798,099)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(49,405,451,577)	(414,482,798,099)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90,000,000	90,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(549)	(4,605)

23 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi. Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án. Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty thì Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng ký kết với Công ty Lũng Lô và sẽ không phải trả lại số tiền trên do Tổng Công ty đã phát sinh thêm những chi phí khi thực hiện hợp đồng mà các chi phí này sẽ phải do Công ty Lũng Lô chịu.

Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 53.531.930.262 đồng (trong đó khoản mục "phải trả người bán" là 22.824.806.722 đồng và khoản mục "người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30.707.123.540 đồng). Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) kiểm toán.



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018